

DANH MỤC DỰ TOÁN KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2052/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

STT	Tên Đề án, hoạt động	ĐVT	Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện		Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó			Ghi chú
							Kinh phí KCĐP	Kinh phí đóng góp của đơn vị thụ hưởng	Nguồn khác	
I	HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG					6.091.733.500	3.154.000.000	2.937.733.500		
1	Truyền nghề và nâng cao tay nghề cho cơ sở công nghiệp nông thôn	Lớp	2	01/2025	12/2025	20.000.000	20.000.000	-		
2	Tập huấn khởi sự doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý điều hành doanh nghiệp	Lớp	1	01/2025	12/2025	22.000.000	22.000.000	-		
3	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Đề án	16	01/2025	12/2025	5.612.733.500	2.675.000.000	2.937.733.500		
3.1	<i>Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất muối tôm.</i>	<i>Đề án</i>	<i>1</i>	<i>01/2025</i>	<i>12/2025</i>	<i>114.480.000</i>	<i>55.000.000</i>	<i>59.480.000</i>		
3.2	<i>Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất nhang nghệ.</i>	<i>Đề án</i>	<i>1</i>	<i>01/2025</i>	<i>12/2025</i>	<i>61.850.000</i>	<i>30.000.000</i>	<i>31.850.000</i>		
3.3	<i>Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất yến sào</i>	<i>Đề án</i>	<i>1</i>	<i>01/2025</i>	<i>12/2025</i>	<i>685.300.000</i>	<i>300.000.000</i>	<i>385.300.000</i>		
3.4	<i>Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất chế biến gạo</i>	<i>Đề án</i>	<i>1</i>	<i>01/2025</i>	<i>12/2025</i>	<i>683.800.000</i>	<i>300.000.000</i>	<i>383.800.000</i>		
3.5	<i>Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất bàn ghế, salon từ tre</i>	<i>Đề án</i>	<i>1</i>	<i>01/2025</i>	<i>12/2025</i>	<i>213.624.000</i>	<i>100.000.000</i>	<i>113.624.000</i>		
3.6	<i>Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất gạo.</i>	<i>Đề án</i>	<i>1</i>	<i>01/2025</i>	<i>12/2025</i>	<i>604.450.000</i>	<i>300.000.000</i>	<i>304.450.000</i>		
3.7	<i>Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất yến sào</i>	<i>Đề án</i>	<i>1</i>	<i>01/2025</i>	<i>12/2025</i>	<i>81.400.000</i>	<i>40.000.000</i>	<i>41.400.000</i>		
3.8	<i>Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất tôn.</i>	<i>Đề án</i>	<i>1</i>	<i>01/2025</i>	<i>12/2025</i>	<i>614.179.500</i>	<i>300.000.000</i>	<i>314.179.500</i>		

3.9	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất kẹo, dừa sáp sấy thăng hoa.	Đề án	1	01/2025	12/2025	547.000.000	270.000.000	277.000.000		
3.10	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất bánh tét.	Đề án	1	01/2025	12/2025	264.000.000	130.000.000	134.000.000		
3.11	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất loa âm thanh.	Đề án	1	01/2025	12/2025	236.500.000	110.000.000	126.500.000		
3.12	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất yến sào.	Đề án	1	01/2025	12/2025	134.750.000	65.000.000	69.750.000		
3.13	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất, gia công cơ khí.	Đề án	1	01/2025	12/2025	451.000.000	225.000.000	226.000.000		
3.14	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất bánh tét.	Đề án	1	01/2025	12/2025	264.000.000	130.000.000	134.000.000		
3.15	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất pate, chả lụa	Đề án	1	01/2025	12/2025	165.000.000	80.000.000	85.000.000		
3.16	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất nước đóng chai.	Đề án	1	01/2025	12/2025	491.400.000	240.000.000	251.400.000		
4	Thông tin, tuyên truyền			01/2025	12/2025	87.000.000	87.000.000			
4.1	Xây dựng chuyên mục Khuyến công và Xúc tiến thương mại	Kỳ	4	01/2025	12/2025	72.000.000	72.000.000			
4.2	Hội nghị tập huấn chính sách khuyến công và xúc tiến thương mại	Cuộc	1	01/2025	12/2025	15.000.000	15.000.000			
5	Học tập kinh nghiệm, tìm kiếm máy móc thiết bị về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp cho cơ sở công nghiệp nông thôn	Chuyến	2	01/2025	12/2025	30.000.000	30.000.000			
6	Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh lần thứ VII, năm 2025	Cuộc	1	01/2025	12/2025	200.000.000	200.000.000			
7	Chi phí quản lý Đề án khuyến công			01/2025	12/2025	120.000.000	120.000.000			
7.1	Cơ quan quản lý kinh phí KC (1,5%)			01/2025	12/2025	40.000.000	40.000.000			

7.2	Đơn vị triển khai thực hiện Đề án (3%)			01/2025	12/2025	80.000.000	80.000.000			
II	HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI					3.079.000.000	3.079.000.000			
1	Điều tra khảo sát tình hình sản xuất và yêu cầu thị hiếu trong cung ứng sản phẩm hàng hóa phục vụ yêu cầu xây dựng kế hoạch xúc tiến thương mại giai đoạn 2026-2030	Cuộc	1			95.000.000	95.000.000			
2	Hội nghị tổng kết, đánh giá chương trình Khuyến công và Xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2025	cuộc	1			176.000.000	176.000.000			
3	Tổ chức hội chợ và các sự kiện gắn với lễ hội Ok Om Bok của tỉnh	Cuộc	1			189.000.000	189.000.000			
4	Hoạt động tham gia hội chợ khu vực phía Bắc	Cuộc	1			96.000.000	96.000.000			
5	Hoạt động tham gia hội chợ khu vực Miền Trung - Tây Nguyên	Cuộc	2			174.000.000	174.000.000			
6	Hoạt động tham gia hội chợ khu vực Đông Nam Bộ	Cuộc	2			132.000.000	132.000.000			
7	Hoạt động tham gia hội chợ khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long	Cuộc	3			180.000.000	180.000.000			
8	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các cuộc kết nối cung cầu tại các tỉnh, thành	Cuộc	5			150.000.000	150.000.000			
9	Tổ chức phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn cấp tỉnh	Cuộc	4			294.000.000	294.000.000			
10	Tổ chức chợ khởi nghiệp cho cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã	Cuộc	1			300.000.000	300.000.000			
11	Tổ chức chương trình tôn vinh sản phẩm - dịch vụ tinh Trà Vinh đạt chất lượng tốt được người tiêu dùng ưa thích	Cuộc	1			180.000.000	180.000.000			
12	Hỗ trợ Doanh nghiệp tham gia XTTM trong môi trường trực tuyến (App Sàn giao dịch)	Cuộc	1			151.000.000	151.000.000			
13	Hỗ trợ các sản phẩm chủ lực đạt OCOP 4 hoặc 5 sao tham gia giao dịch sàn giao dịch nước ngoài	Doanh nghiệp	3			150.000.000	150.000.000			

14	Tổ chức lớp tập huấn kỹ năng kinh doanh	<i>Lớp</i>	2			70.000.000	70.000.000			
15	Tổ chức đoàn giao dịch thương mại vào thị trường nước ngoài (ASEAN)	<i>Cuộc</i>	1			392.000.000	392.000.000			
16	Tham gia hội chợ và tổ chức đoàn kết nối giao thương tại thị trường nước ngoài (ASEAN)	<i>Cuộc</i>	1			350.000.000	350.000.000			
TỔNG CỘNG (I+II)						9.170.733.500	6.233.000.000	2.937.733.500		